TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 387/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2023
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG.

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân** tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, về tranh chấp hôn nhân và gia đình *"Xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: bà Trần Thanh T sinh năm 1986.

- Bị đơn: ông Ngô Phú L sinh năm 1968.

Cùng nơi cư trú tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang

(Bà T1, ông L)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo đơn khởi kiện, bảng tự khai nguyên đơn bà Trần Thanh T trình bày: Bà và ông Ngô Phú L tự tìm hiểu quen biết nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh An Giang được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 22/11/1996. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với gia đình bên vợ, đến năm 1997 thì cả hai chung sống riêng, từ đó thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, ông L1 xuyên nhậu nhẹt, kiếm chuyện cự cãi, hành hung và đánh đập bà, ông L2 làm ăn xa nên ít khi về nhà, dẫn đến việc không quan tâm lo lắng gia đình, chăm sóc các con, vì thương con nên bà đã chịu đựng đến năm 2015 thì bà

về cha mẹ ruột cho đến nay, yêu cầu được ly hôn vì nhận thấy tình cảm không còn, không muốn hàn gắn với ông L

Bị đơn ông L3 bày:

Về thời gian kết hôn, quá trình tìm hiểu quen biết nhau và thời gian chung sống thống nhất như bà T2 bày, nguyên nhân mâu thuẫn là những chuyện nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày, cự cãi đôi khi có lớn tiếng trong lúc tranh cãi chứ không hề có việc hành hung, đánh đập, sau khi bà T3 về cha mẹ ruột, tôi có nhiều lần đến năn nĩ nhưng bà T4 đồng ý. Nay còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung tên Ngô Trần Quỳnh N ngày 29/9/1997 (đã trưởng thành, sống tự lập được) và Ngô Trần X N1sinh ngày 14/9/2009. Nay ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Xuân N1, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến ông L về con và tài sản chung, nợ chung: đồng ý giao con, không cấp dưỡng, về tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được quyy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung :

Mối quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hợp pháp. Xét thấy, bà T5 cầu ly hôn, ông L không đồng ý nhưng không có biện pháp hàn gắn, đã ly thân từ năm 2015 đến nay nhưng vẫn chưa có tiếng nói chung, Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên hàn gắn nhưng bà T6 cương quyết ly hôn, mâu thuẫn âm ỉ kéo dài rất nhiều năm, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T7 ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: đề xuất tiếp tục giao con cho bà T ông L không cấp dưỡng. Về tài sản chung nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Ngô Phú L đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang Nên bà Trần Thanh T khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân giữa bà T và ông L do tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ khi có tranh chấp xảy ra.

Bà T cho rằng hai bên có mâu thuẫn lý do ông L có tính gia trưởng, mỗi khi cả hai có mâu thuẫn ông L lại có hành vi bạo lực gia đình, tuy ông L4 thừa nhận nhưng cả hai thời gian ly thân cũng từ năm 2015 cho đến nay vẫn không thể hàn gắn được, chị cảm thấy không còn yêu thương lẫn nhau, mặc dù gia đình hai bên có động viên hàn gắn nhưng chị cương quyết ly hôn vì muốn giải thoát cuộc sống hôn nhân ngột ngạt không còn tình cảm, ông L không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp nào hàn gắn mối quan hệ đã bị rạn nứt, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải nhưng ông L4 thể hiện thiện chí hàn gắn, xác minh điều kiện, hoàn cảnh tình trạng hôn nhân Tòa án nhận thấy hôn nhân không còn tiến nói chung, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T

Về con chung gồm: Vợ chồng có 02 con chung, trong đó cháu quỳnh Như đã trưởng thành, sống tự lập được, nay ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên X N1không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nguyện vọng các cháu tiếp tục sống với mẹ, để đảm bảo quyền lợi và sự ổn định đứa trẻ Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, tuy nhiên bà T không có yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét đối với anh H về vấn đề cấp dưỡng.

Trong thời gian nuôi con, bà T phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông L khi đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ phải thu: Quá trình làm việc chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ phải trả: Các đương sự khai không có, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: bà T là người xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 51, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thanh T đối với ông Ngô Phú L

Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2006 ngày 22/11/1996 do Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh An Giangcấp cho anh và chị không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Trần Thanh T8 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên Ngô Trần X N1sinh ngày 14/9/2009 sinh ngày 03/11/2010 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc lao động được, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chưa thành niên không cố định.

Trong thời gian nuôi con, bà T phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông L khi đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản chung và nợ: Không yêu cầu.

Án phí: bà Trần Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0006076 ngày 13/4/2023 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Ông Ngô Phú L không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản sao Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Ủy ban xã Phúp Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Lê Lâm Bảo Ngọc